

HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC

Nguồn lực thực hiện CT NTM được huy động từ nhiều nguồn. Ngoài nguồn ngân sách TW, trong giai đoạn 2016-2018, báo cáo của các tỉnh khảo sát đều ghi nhận vốn đối ứng ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã); đặc biệt tại Hòa Bình nguồn ngân sách địa phương đối ứng lên tới 21%. Thực tế, nguồn ngân sách

địa phương tại Hòa Bình theo các cán bộ tỉnh đều là tính toán lồng ghép từ các CT-DA khác trên cùng địa bàn, tỉnh không có kinh phí dành riêng cho chương trình NTM. Tại Quảng Trị, theo Nghị quyết 30/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, mỗi năm trích 40 tỷ dành cho chương trình NTM nhưng thực tế, theo cán bộ HĐND tỉnh, kinh phí cấp cho chương trình mới chỉ đạt 20 tỷ/năm.

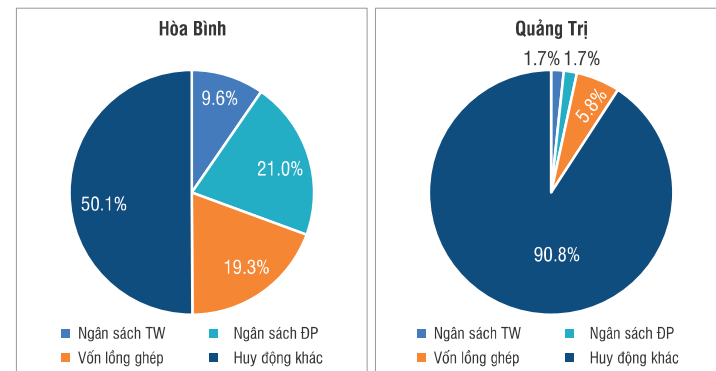
“Địa phương không bố trí được vốn đối ứng riêng mà lồng ghép các nguồn vốn khác. Theo quy định phải đối ứng 1:1 nhưng hiện tại chưa có, chỉ là vốn lồng ghép nguồn khác”

(nam, cán bộ HĐND tỉnh Hòa Bình)

Nguồn lực tính toán lồng ghép từ các CT-DA (Hòa Bình 19,3%, Quảng Trị 5,8%; chủ yếu cộng thêm từ nguồn Chương trình GNBV) và huy động các nguồn lực khác bao gồm vốn tín dụng, đóng góp của cộng đồng dân cư, doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế chiếm tỷ lệ rất lớn trong tổng nguồn lực (Hình 15). Trong tổng số nguồn vốn huy động khác, vốn tín dụng chiếm tỷ lệ cao nhất (Hòa Bình 85%, Quảng Trị

95%). Tuy nhiên, nguồn vốn tín dụng ở đây được tính chung cho tất cả các nguồn cho vay trên địa bàn, chưa phân tách được nguồn tín dụng huy động được do tác động của các dự án, hoạt động trong chương trình NTM. Sự khác biệt giữa số liệu báo cáo của Hòa Bình và Quảng Trị về tỷ lệ nguồn vốn huy động khác chủ yếu là do việc tính toán khác nhau về số liệu vốn tín dụng đưa vào chương trình NTM.

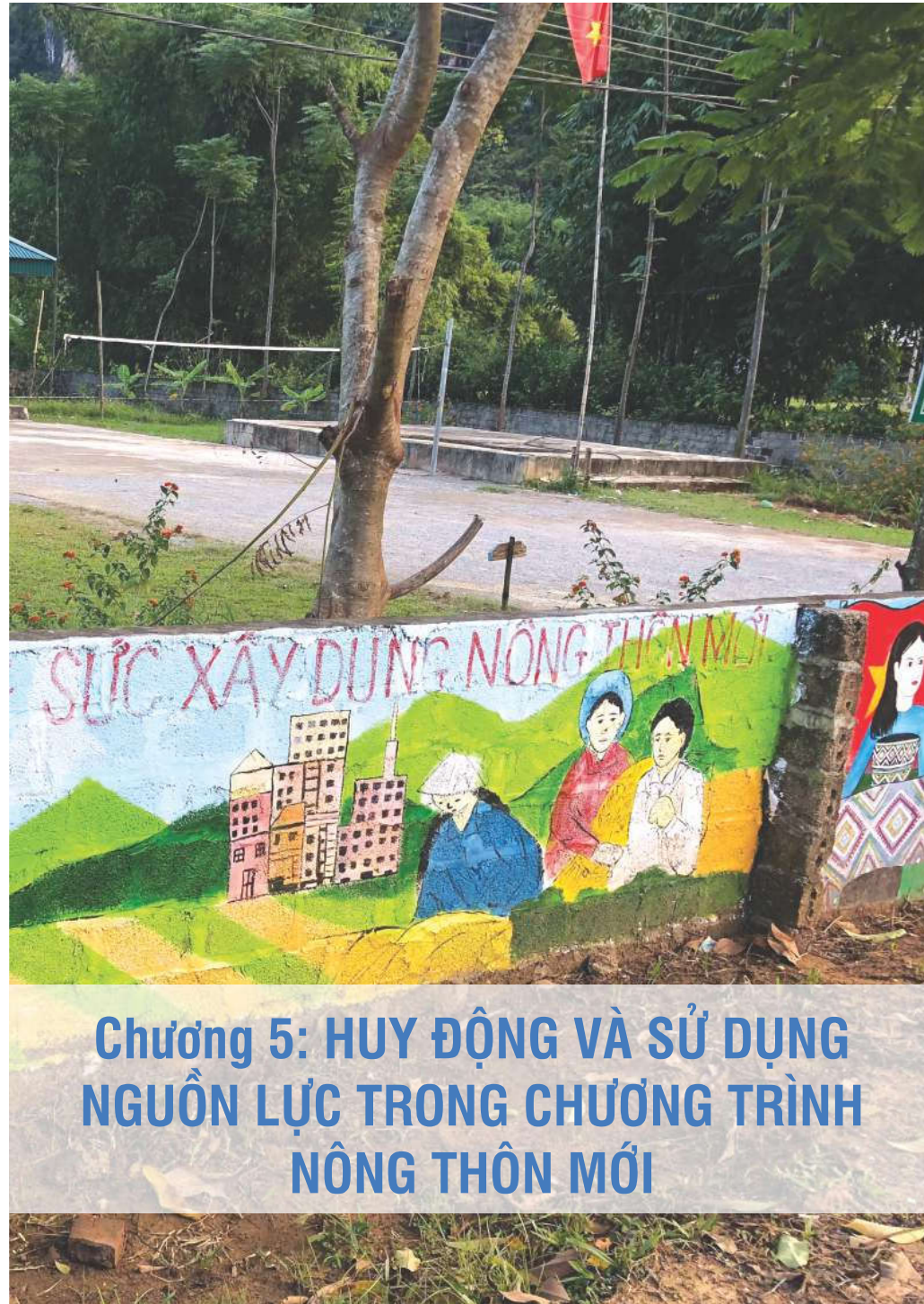
Hình 15: Cơ cấu nguồn vốn của CT NTM tại Hòa Bình và Quảng Trị giai đoạn 2016-2018 (theo báo cáo của 2 tỉnh, tính đến tháng 6/2018)



Tại cả 2 tỉnh, ngân sách phân bổ trong giai đoạn 2016-2017 đều bị chậm do những vướng mắc về văn bản hướng dẫn ở cả cấp TW và địa phương và quá trình lên phương án, tổng hợp,

thẩm định kế hoạch phân bổ vốn ở các cấp bị chậm. Từ năm 2018, nguồn ngân sách TW đã được phân về cho các địa phương sớm hơn để kịp thực hiện theo kế hoạch hàng năm.

Chương 5: HUY ĐỘNG VÀ SỬ DỤNG NGUỒN LỰC TRONG CHƯƠNG TRÌNH NÔNG THÔN MỚI



“Phân bổ vốn 2018-2019 đã xong, trình qua Sở Kế hoạch Đầu tư dựa trên chủ trương đầu tư, không bị chậm. Những năm trước tháng 6 mới phân bổ vốn, dù có thông báo vốn sớm do đợt cấp huyện, đỉnh mùa mưa. Năm 2019, huyện nào xong trình chủ trương đầu tư luôn, không đợi các huyện khác. Các huyện nhìn nhau nên cũng trình sớm hơn”
(nữ, cán bộ VP điều phối NTM tỉnh Hòa Bình)

“Năm 2017, vốn chậm, đến tháng 4-5 mới có thông báo vốn của tỉnh. Năm 2018 phân bổ sớm hơn”
(nam, cán bộ HNDN tỉnh Quảng Trị)

Đóng góp của người dân vào từng công trình ở mức cao, nhưng tính trong tổng các nguồn lực của chương trình thì chiếm tỷ trọng thấp. Theo khảo sát tại các thôn, tỷ lệ đóng góp của người dân trong các công trình ở thôn rất cao (đến ≥ 40-50%), nhưng tính chung trong tổng vốn huy động từ các nguồn trên địa bàn không cao, thường dưới 10% (Hòa Bình 10%,

Quảng Trị 2,7% trong tổng nguồn huy động khác của tỉnh). Trong khi đó, theo ý kiến của một số cán bộ, hiện nay việc huy động đóng góp của người dân gặp nhiều khó khăn hơn trước, vì đa số những công trình/địa bàn thuận lợi trong huy động đóng góp của người dân đã thực hiện.

“Giao về cho thôn, dân đóng góp công nhiều, tính ra công đóng góp khoảng 50% giá trị công trình, chưa tính được hết, cần thành lập hội đồng định giá để đưa vào đây đủ”
(nữ, cán bộ phòng TC-KH huyện Vĩnh Linh, Quảng Trị)

“Giai đoạn hào hứng lúc đầu qua rồi, giờ vận động dân góp là khó khăn. Chỗ thuận lợi đã làm rồi, giờ còn lại chỗ khó khăn”
(nam, cán bộ HNDN tỉnh Hòa Bình)

Các tỉnh khảo sát đều có sự ưu tiên phân bổ nguồn lực cho xã về đích NTM. Theo Quyết định 12/2017/QĐ-TTg, ngân sách TW tập trung ưu tiên cho các xã ĐBKK¹², xã đạt dưới 5 tiêu chí và các xã đạt trên 15 tiêu chí phấn đấu hoàn thành NTM. Chú trọng đầu tư cho các xã chưa hoàn thành các công trình hạ tầng cơ bản (giao thông, điện, trường học, trạm y tế, nước sạch, thủy lợi); hỗ trợ phát triển sản xuất, bảo vệ môi trường. Việc phân bổ vốn thực hiện theo hệ số, trong đó các xã ĐBKK dưới 5 tiêu chí hệ số 5,0; xã ĐBKK còn lại hệ số 4,0; các xã từ 15 tiêu chí hệ số 1,3; các xã còn lại, không thuộc đối tượng ưu tiên nêu trên hệ số 1,0. Cũng có ý kiến của cán bộ tỉnh cho rằng,

việc qui định hệ số phân bổ vốn NTM cho các xã của TW còn mang tính bình quân, chưa tính đến các đặc thù về diện tích, qui mô dân số, số thôn bản trong xã (trong khi CTMTQG GNBV đã tính đến các yếu tố đặc thù của từng xã khi tính toán hệ số phân bổ vốn).

Tại Hòa Bình và Quảng Trị, HNDN tỉnh đã ban hành văn bản để thực hiện việc phân bổ vốn cho các xã xây dựng NTM tuy nhiên có sự khác biệt giữa 2 tỉnh. Tại Hòa Bình, cho cả giai đoạn 2016-2020, các xã được chia thành 4 nhóm, trong đó các xã ĐBKK được hỗ trợ từ 4,2 - 4,6 tỷ đồng/xã; các xã đăng ký về đích NTM được hỗ trợ từ 7 - 10 tỷ đồng/xã; các xã

¹² Ưu tiên hỗ trợ cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; xã nghèo thuộc các huyện nghèo; xã nghèo thuộc huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao được áp dụng cơ chế, chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng như các huyện nghèo.

đười 10 tiêu chí hỗ trợ từ 4,2 - 4,6 tỷ đồng/xã; các xã còn lại được hỗ trợ 2,2 tỷ đồng/xã. Theo đó, mức hỗ trợ với các xã đăng ký về đích NTM là cao hơn hẳn so với các xã khác (ngược với quy định của Quyết định 12/2017/QĐ-TTg). Tại Quảng Trị, tỉnh thực hiện phân bổ vốn hàng năm theo đúng hệ số nêu trong Quyết định 12/2017/QĐ-TTg, song có ưu tiên cho xã về đích NTM trong năm xã đăng ký về đích với mức hỗ trợ gấp 3 lần các xã khác. Như vậy, tại cả 2 tỉnh đều có quy định ưu tiên nguồn lực cho các xã về đích NTM.

Theo giải thích của cán bộ cấp tỉnh và theo tờ trình HNDN tỉnh Hòa Bình, việc ưu tiên vốn cho các xã đăng ký về đích NTM là để thực hiện mục tiêu xây dựng NTM (do TW qui định và theo nghị quyết của HNDN tỉnh), và do các xã ĐBKK đã có nguồn vốn từ các CT-

DA khác như CT Giảm nghèo bền vững. Trong khi đó, qui định của TW về phân bổ vốn cho các xã chưa tính đến tổng nguồn lực từ các nguồn khác nhau (nguồn CT NTM, CT GNBV, vốn vay ODA...) cùng hướng đến mục tiêu xây dựng NTM và giảm nghèo bền vững trên một địa bàn. Thực tế, nguồn lực khác dành cho các xã nghèo cũng không lớn, như với các xã ĐBKK thuộc diện đầu tư của Chương trình 135, mức đầu tư trung bình chỉ từ 1-1,3 tỷ đồng/xã/năm.

Tại huyện Đakrông (Quảng Trị), là địa bàn khó khăn, xuất phát điểm khi thực hiện NTM thấp, thiếu kinh phí khiến các xã khó hoàn thành các tiêu chí. Huyện đã phải thay đổi các xã dự kiến về đích nhiều lần do các xã được chọn đều khó khăn trong thực hiện NTM, ngay cả khi đã ưu tiên vốn NTM.

“Quy hoạch và nguồn lực không gặp nhau, không có nguồn lực để thực hiện các tiêu chí, theo kế hoạch lúc đầu dự kiến 2015 có 2 xã đạt NTM, hiện tại vẫn chưa có xã nào. Trước chọn 2 xã Hướng Hiệp và A Ngo, sau thấy khó quá lại đổi sang Hải Phúc và Triệu Nguyên”

(nam, cán bộ HNDN huyện Đakrông, Quảng Trị)

Ngân sách sự nghiệp dành cho HTPTSX còn thấp trong Chương trình NTM. Kinh phí sự nghiệp trong CT NTM hiện phải phân bổ thực hiện nhiều nội dung khác nhau với sự tham gia của nhiều cơ quan. Nguồn lực dành cho HTPTSX vì thế rất thấp. Theo báo cáo của 2 tỉnh, ngân sách dành cho HTPTSX chủ yếu từ nguồn vốn tín dụng và lồng ghép từ các CT-DA trên địa bàn. Trong giai đoạn 2016-2018, báo cáo về nguồn kinh phí HTPTSX theo chuỗi liên kết tại 2 tỉnh rất khác nhau, tại Hòa Bình là 20,5 tỷ đồng (không tính nguồn tín dụng) còn tại Quảng Trị là 444 tỷ đồng (trong đó, 338 tỷ là vốn tín dụng, 26 tỷ là vốn lồng

ghép). Hiện nay, kinh phí dự án HTPTSX theo chuỗi trong CT NTM chủ yếu do phòng NN-PTNT huyện chủ trì thực hiện. Theo đánh giá của người dân tại các thôn khảo sát, các mô hình HTPTSX còn ít, chưa thực sự giúp người dân có sự cải thiện đáng kể về thu nhập. Trong khi việc cải thiện về thu nhập và việc làm mới là vấn đề người dân quan tâm trước hết khi thực hiện CTNTM.

Trong khi đó, Thông tư 43/2017/TT-BTC quy định về sử dụng vốn sự nghiệp trong CT NTM theo đánh giá của cán bộ tại 2 tỉnh còn những điểm bất cập (Hộp 10).

“Vốn sự nghiệp thấp (trên 30 tỷ) nhưng lại phải thực hiện nhiều hoạt động khác nhau: nước sạch, thông tin truyền thông, dạy nghề... thì biết làm sao? Có quá nhiều bộ ngành can thiệp vào việc phân bổ tiền (Tổng cục dạy nghề, Bộ văn hóa-thông tin truyền thông, Liên minh HTX, Hội Nông dân...) nên khó trong việc phân bổ tiền”

(nam, cán bộ Sở KH-ĐT Quảng Trị)

“Vốn sự nghiệp cho HTPTSX rất ít, các năm trước giao về cho xã làm nên rất mạnh mún. Hai năm trở lại đây giao về cho phòng NN-PTNT nên hiệu quả hơn.”

(nam, Phòng NN-PTNT huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị)

“Nguồn vốn đầu tư 1 năm 8-9 tỷ đồng nhưng vốn sự nghiệp cho HTPTSX không nhiều, chủ yếu vốn đào tạo nghề, làm mô hình tại một số xã, vốn phân cho xã làm duy tu bảo dưỡng. Từ 2011-2013 chỉ có vốn HTPTSX cho 3 xã điểm (1 xã điểm của tỉnh, 2 xã điểm của huyện). Từ năm 2015 có 350 triệu đồng để hỗ trợ các mô hình điểm của huyện. Vốn HTPTSX ít và dân trải vì nhiều hộ nghèo quá, chia cho các xã không được bao nhiêu”

(nam, cán bộ Phòng NN-PTNT huyện Đakrông)

Hộp 10: NHỮNG BẤT CẬP CỦA THÔNG TƯ 43/2017/TT-BTC VỀ SỬ DỤNG VỐN SỰ NGHIỆP TRONG CT NTM

Theo báo cáo đánh giá việc thực hiện CT NTM (2016-2018) và ý kiến của cán bộ tại 2 tỉnh khảo sát, Thông tư 43/2017/TT-BTC quy định về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện CT NTM còn những vướng mắc trong thực hiện:

- ▶ Nhiều nội dung của tiêu chí NTM có quy định việc sử dụng vốn sự nghiệp, nhưng không được phân bổ kinh phí từ nguồn sự nghiệp NTM do TW cấp, chủ yếu sử dụng nguồn vốn lồng ghép hoặc do ngân sách địa phương cân đối. Vì vậy, nguồn vốn sự nghiệp, nhất là vốn dành cho HTPTSX của các tỉnh thực tế rất thấp.
- ▶ Thiếu quy định về chi phí quản lý dự án đối với nội dung hỗ trợ dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm.
- ▶ Không có quy định về việc hỗ trợ hệ thống xử lý nước hợp vệ sinh, nước sạch, các địa phương vướng trong thực hiện nội dung Môi trường trong tiêu chí 17 (trong khi CTMTQG nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn đã kết thúc từ năm 2015, được lồng ghép vào CT NTM).
- ▶ Các nội dung thu gom, xử lý chất thải rắn; thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, phân tán; cải tạo cảnh quan môi trường xanh-sạch-đẹp hiện chỉ hỗ trợ cho đối tượng nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách (trong khi đây đều là những nội dung mang ý nghĩa cộng đồng, cần triển khai ở tất cả các hộ trên địa bàn xã đều được tham gia).

Một số nội dung mới của CT NTM, như hỗ trợ xây dựng NTM kiểu mẫu, hỗ trợ chương trình mới xã một sản phẩm (OCOP), hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn chưa có quy định cụ thể về phân bổ và sử dụng vốn sự nghiệp.

Việc lồng ghép nguồn lực để thực hiện chương trình còn khó khăn. Việc lồng ghép nguồn lực của các CT-DA tại các xã khảo sát để thực hiện chương trình NTM hầu như rất khó thực hiện. Nguyên nhân là do sự khác biệt về cơ chế thanh quyết toán, cơ quan chủ trì của các chương trình. Vai trò của HDND các cấp trong xây dựng kế hoạch và bố trí, lồng ghép ngân sách địa phương trong thực hiện chương trình còn hạn chế¹³.

¹³ Điều 4 Khoản 1 Điều 91 Luật Đầu tư công giao Hội đồng nhân dân các cấp: Quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của địa phương, bao gồm toàn bộ danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương, các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư

Trong khi đó, một số sáng kiến lồng ghép nguồn lực của địa phương gặp vướng mắc trong triển khai thực hiện. Như tại huyện Đakrông (Quảng Trị) việc thực hiện “Phương án 39” theo hướng lồng ghép các nguồn vốn để hỗ trợ hộ thoát nghèo thời gian qua được đánh giá là hiệu quả. Tuy nhiên, do hiện nay nguồn vốn của các CT-DA chủ yếu phân cấp cho xã làm chủ đầu tư nên huyện khó can

thiệp, các xã thường triển khai trên quy mô rộng cho nhiều hộ hưởng lợi, không làm tập trung hỗ trợ hộ thoát nghèo như Phương án 39. Quy định của tỉnh Quảng Trị về định mức hỗ trợ đối với hộ nghèo không quá 15 triệu đồng với các dự án HTPTSX thuộc các CTMTQG cũng khiến chính sách này khó triển khai (Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND).

“Phương án 39 lúc đầu khá thể, sau do xã làm chủ đầu tư họ không làm cách đó, giao cho xã rồi mình can thiệp khó. Ví dụ, phương án 39 hỗ trợ 2 con bò/hộ, xã chỉ hỗ trợ 1 con do sợ các hộ khác kiện”

(nam, cán bộ phòng NN-PTNT huyện Đakrông, Quảng Trị)

SỬ DỤNG NGUỒN LỰC

Phân cấp cho cấp xã làm chủ đầu tư, trao quyền cho cộng đồng trong tổ chức thực hiện các công trình, dự án NTM còn nhiều thách thức. Có sự khác biệt trong việc phân cấp, trao quyền cho xã làm chủ đầu tư tại 2 tỉnh. Tại Hòa Bình, việc phân cấp, trao quyền được thực hiện chủ yếu với các công trình ở cấp thôn, có sự tham gia, đóng góp của người dân.

Với các công trình lớn ở cấp xã chủ yếu vẫn do ban quản lý cấp huyện thực hiện; một số loại công trình do các cơ quan chuyên ngành (Thông tin truyền thông, Y tế, Giáo dục) chủ trì triển khai. Qua trao đổi với cấp xã, nhiều cán bộ chia sẻ khó khăn về việc không chủ động được nguồn vốn, phân bổ dân trải trong 2-3 năm nên khó thực hiện, đặc biệt là huy động sự đóng góp của người dân. Vì vậy, cấp xã cũng không muốn làm chủ đầu tư đối với những công trình này.

Đù có giao cho xã làm chủ đầu tư thì trên vẫn quyết, xã chỉ ký giấy tờ nên dù có kế hoạch trước vẫn không theo được. Trên đưa xi măng về làm đường, mình phải làm đường, không hỗ trợ sản xuất được. Làm CSHT thì có thể 1 năm là xong chứ làm HTSX thì phải cần thời gian”

(nam, cán bộ HND xã Cao Râm, huyện Lương Sơn, Hòa Bình)

Tại Quảng Trị, hầu hết các công trình đều được giao về cho xã làm chủ đầu tư, với công trình ở cấp thôn giao cho cộng đồng thực hiện. Tuy nhiên, cấp thôn và xã vẫn còn gặp phải những vướng mắc trong quá trình thanh quyết toán (đặc biệt là liên quan đến hóa đơn) do hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn cấp huyện (phòng TC-KH, kho bạc huyện) chưa thống nhất. Trong khi đó, việc NCNL cho cán bộ cấp xã, thôn khi làm chủ đầu tư chưa được chú trọng. Hiện nay, các huyện thiếu kinh phí

để hỗ trợ NCNL cho xã và cộng đồng trong từng công trình, dự án cụ thể. Ở cấp xã, những hỗ trợ NCNL trong thực hành cho cán bộ thôn và cộng đồng để họ có thể tự chủ, tự quản trong các công trình, dự án cũng hầu hết không được thực hiện (mới chủ yếu là hỗ trợ thủ tục, giấy tờ). Trong khi đó, còn thiếu cách NCNL theo phương pháp TOT (tập huấn lan truyền/tập huấn tiêu giáo viên) để xây dựng một nhóm nông cốt ở các cấp tỉnh, huyện thực hiện tập huấn, hỗ trợ kỹ thuật cho các xã, thôn.

“Hiện nay tỉnh chưa có hướng dẫn làm theo thiết kế mẫu, thanh quyết toán phòng TCKH hướng dẫn khác kho bạc khác phòng kinh tế-hạ tầng”

(nam, người dân thôn Cháp Bắc, xã Vĩnh Cháp, huyện Vĩnh Linh, Quảng Trị)

“Năng lực hồ sơ, thanh quyết toán của xã còn hạn chế. Hiện nay xã yếu chỗ nào huyện hỗ trợ chỗ đó (hướng dẫn qua điện thoại, không phải lúc nào cũng xuống xã được)”

(nam, cán bộ Phòng TC-KH huyện Đakrông, Quảng Trị)

Hòa Bình và Quảng Trị đã thực hiện cơ chế đầu tư đặc thù đối với hầu như toàn bộ các công trình NTM, tuy nhiên trong quá trình triển khai còn những khó khăn, vướng mắc.

Theo Nghị định 77/NĐ-CP¹⁴ hướng dẫn Luật đầu tư công và Nghị định 120/2018/NĐ-CP, “các công trình khởi công mới chỉ được bố trí vốn nếu được cấp thẩm quyền phê duyệt quyết định đầu tư đến ngày 31/10 của năm trước năm kế hoạch, trừ dự án khẩn cấp, dự án sử dụng nguồn vốn dự phòng ngân sách nhà nước, tăng thu, kết dư ngân sách nhà nước và các trường hợp khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định”. Trong khi đó, theo Nghị định 161/2016/NĐ-CP, đối với các dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù, được phép bố trí vốn cho các dự án khởi công mới được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết định đầu tư trước thời điểm UBND tỉnh phân bổ kế hoạch vốn. Vì vậy, các dự án thuộc CTMTQG không thuộc đối tượng thực hiện theo cơ chế đặc thù sẽ không được thanh toán vốn nếu không hoàn chỉnh thủ tục đầu tư theo quy định.

Nghị định 161/2016/NĐ-CP không quy định cụ thể về khái niệm “công trình có kỹ thuật không phức tạp” mà để mở cho các tỉnh ban hành danh mục công trình áp dụng cơ chế đặc thù. Hòa Bình là tỉnh có số lượng danh mục công trình lớn (20 loại công trình), trong đó có các công trình đầu mối cấp xã, công trình kỹ thuật chuyên ngành mà hầu hết cộng đồng, nhóm thợ không thể tổ chức thi công - trong bối cảnh các hoạt động nâng cao năng lực hiện tại cho cộng đồng/nhóm thợ còn hạn chế. Vì vậy, trên thực tế, Hòa Bình vẫn chưa thực hiện được đúng theo Nghị định 161, một số công trình vẫn do nhà thầu thực hiện (thiết kế, thi công). Cấp xã chủ yếu hoàn thiện thủ tục hồ sơ ban đầu và thanh quyết toán công trình theo quy định. Tại Quảng Trị, việc thực hiện theo thiết kế mẫu gặp khó khăn, đặc biệt là các xã miền núi do địa hình khác nhau. Một số công trình yêu cầu nguồn vốn lớn như nhà văn hóa xã kỹ thực hiện theo đúng thiết kế mẫu gây áp lực về ngân sách cho địa phương. Việc thanh quyết toán đối với cấp thôn cũng còn vướng mắc do chưa có sự thống nhất trong hướng dẫn của cơ quan cấp huyện.

“Giai đoạn 2 thực hiện Nghị định 161, huyện áp dụng đúng. Cán bộ xã có trình độ, kế toán mạnh nhưng đưa về các xã vùng sâu, xa còn hạn chế trong tham mưu cho lãnh đạo làm chủ đầu tư”

(nam, cán bộ phòng NN-PTNT huyện Mai Châu, Hòa Bình)

Nghị định 161 theo Nghị quyết 83 của HĐND là vướng, chủ đầu tư giao cho xã. Không phải cái nào dưới 5 tỷ xã cũng làm được

(nam, cán bộ HND tỉnh Hòa Bình)

“Đầu tư xây dựng công trình đặc thù theo NTM, quy định công trình có tính chất đơn giản, không phức tạp là phải nói rõ để biết thực hiện. Khi ban hành thiết kế mẫu, công trình giáo dục có mẫu rồi, nhưng phòng giáo dục thể chất không có, không biết làm theo mẫu nào, không biết thi công thế nào. Phải hướng dẫn chi tiết, cụ thể hơn. Cán bộ chuyên môn xã chỉ có địa chính xây dựng, có xã chỉ chuyên môn xây dựng nên không tham mưu được”

(nam, cán bộ xã Mò Ó, huyện Đakrông, Quảng Trị)

¹⁴ Nghị định 77/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm.

Những công trình nhỏ và đơn giản do cộng đồng/tổ nhóm thợ thi công theo cơ chế đặc thù tiết kiệm được chi phí nhưng vẫn có chất lượng đảm bảo. Hầu như 100% cán bộ tỉnh/huyện/xã/thôn và người dân tại các địa bàn khảo sát được phỏng vấn đều cho rằng, các công trình áp dụng triệt để cơ chế đầu tư đặc thù đều tiết kiệm được ít nhất 30% chi phí so với công trình áp dụng cơ chế xây dựng cơ bản thông thường, với các lý do: (i) xã tự lập hồ sơ xây dựng và cộng đồng, tổ nhóm thợ địa phương tự thi công nên cắt giảm được nhiều loại chi phí không cần thiết đối với các công trình mà người dân đủ năng lực quản lý và thực hiện như: khảo sát, thiết kế, lập/thẩm tra/thẩm định báo cáo KT-KT, hồ sơ mời thầu,

nhân công kỹ thuật, lán trại thi công, GPMB, bảo hiểm, kiểm toán, lãi định mức doanh nghiệp, dự phòng, đồng thời có thể tận dụng vật liệu địa phương so với thuê nhà thầu; (ii) giám sát cộng đồng phát huy tốt vai trò nên giảm thiểu được thất thoát vật tư.

Mặc dù trong một số trường hợp có thể không đạt yếu tố mỹ thuật của công trình như nhà thầu xây dựng chuyên nghiệp thực hiện, nhưng chất lượng công trình do người dân thực hiện được đánh giá không thua kém, thậm chí một số công trình như đường bê tông, kênh mương bê tông chất lượng còn tốt hơn (do đảm bảo đúng mức, độ dày bê tông).

“Năm 2017, thôn được làm đường NTM, nhà nước và nhân dân cùng làm. Được nhà nước hỗ trợ 255 triệu, xã cầm tiền, xóm đi liên hệ mua bê tông tự do các xã khác làm bằng xi măng, cát, sỏi không đảm bảo. Chất lượng đường làm tốt”

(nam, người dân thôn Vai Đào, xã Cao Rằm, huyện Lương Sơn, Hòa Bình)

“Làm đường giao cho nhóm thợ trong thôn, có người giám sát là cán bộ thôn và đại diện người dân. Chất lượng làm đường, đảm bảo đẹp, chắc chắn”

(nam, người dân thôn Chắp Bắc, xã Vĩnh Chắp, huyện Vĩnh Linh, Quảng Trị)

“Nếu giao cho thôn thì có thể làm gấp đôi, thôn có máy trộn, xe, thợ đã nhận nhiều công trình. Dự án chỉ định ngay từ tỉnh, xã không làm chủ đầu tư”

(nam, người dân thôn Phú Thành, xã Mò Ó, huyện Đakrông, Quảng Trị)



Hình 16: Đường nội thôn xóm Vai Đào, xã Cao Rằm, huyện Lương Sơn, Hòa Bình do người dân thi công, giám sát



Hình 17: Đường nội thôn xóm Chắp Bắc, xã Vĩnh Chắp, huyện Vĩnh Linh, Quảng Trị do người dân thi công, giám sát

Thông qua tổng hợp ý kiến của người dân và cán bộ địa phương ở các cấp về CT NTM tại Hòa Bình và Quảng Trị, một số khuyến nghị được đưa ra liên quan đến các câu hỏi chính của đánh giá này như sau:

ĐỐI VỚI CẤP TRUNG ƯƠNG:

1. Tiếp tục nghiên cứu, lấy ý kiến rộng rãi về các phương án sửa đổi thiết kế và triển khai thực hiện bộ tiêu chí NTM trong giai đoạn tới (sau 2020). Qua đánh giá này có thể nêu 3 phương án như sau:

- **Phương án 1:** Không qui định bộ tiêu chí để công nhận đạt chuẩn NTM, chuyển thành các chỉ tiêu giám sát-đánh giá sự tiến bộ, là một phần của các chỉ tiêu phát triển KT-XH của địa phương. Phương án triệt để này sẽ gắn liền việc thực hiện NTM với phát triển KT-XH của từng địa phương (đạt chuẩn hay không vẫn phải thực hiện); khắc phục các hạn chế như một chuẩn không thể phù hợp với mọi vùng miền, mọi địa bàn; áp lực ngân sách, tình trạng đầu tư hình thức, lãng phí; nếu ưu tiên đầu tư lớn cho xã đăng ký về đích sẽ làm tăng khoảng cách/chênh lệch giữa các địa bàn.
- **Phương án 2:** Rút gọn bộ tiêu chí, chỉ bao gồm một số tiêu chí cốt lõi liên quan trực tiếp đến đời sống người dân (chẳng hạn: thu nhập, tổ chức sản xuất, hộ nghèo, giáo dục, y tế, cảnh quan môi trường, văn hóa...); còn lại một số tiêu chí khác là phương tiện để đạt các tiêu chí cốt lõi chuyển thành chỉ tiêu giám sát đánh giá sự tiến bộ. Phương án trung gian này giúp ưu tiên thực hiện những nội dung là nhu cầu bức thiết nhất của người dân, tập trung nguồn lực trong bối cảnh ngân sách hạn hẹp, qua đó giảm áp lực ngân sách, giảm gánh nặng đóng góp của người dân.
- **Phương án 3:** Giữ nguyên cách đặt vấn đề, phạm vi rộng của bộ tiêu chí hiện nay, nhưng chia thành các nhóm tiêu chí ưu tiên thực hiện theo từng giai đoạn (nhóm 1/giai đoạn 1 ưu tiên các tiêu chí cốt lõi nhất, bao gồm các tiêu chí liên quan trực tiếp đến đời sống người dân; tiếp theo là nhóm 2, nhóm 3). Phương án tinh chỉnh này giúp các địa phương không chịu áp lực thực hiện toàn bộ các tiêu chí mà ưu tiên thực hiện từng nhóm tiêu chí theo giai đoạn.

Trong 3 phương án nêu trên, phương án 2

hoặc phương án 3 có sự đồng thuận ý kiến cao hơn của các đại biểu cấp tỉnh, huyện, xã tham gia 2 hội thảo tham vấn kết quả khảo sát được tổ chức tại 2 tỉnh Hòa Bình và Quảng Trị trong tháng 11/2018, trong đó các đại biểu nhấn mạnh việc ưu tiên thực hiện các tiêu chí cốt lõi liên quan trực tiếp đến đời sống người dân ở từng thôn bản (không có ý kiến nào đồng thuận với phương án 1).

2. Dù thực hiện theo phương án nào, khung tiêu chí của chương trình NTM trong giai đoạn tới cần sửa đổi hướng đến kết quả, hiệu quả, chất lượng, lấy người dân làm trung tâm; để mở và phân cấp cho cấp tỉnh qui định cụ thể nhiều hơn; thu gọn đầu mối quản lý đối với từng tiêu chí.

- Ở cấp TW chỉ nên qui định khung chỉ tiêu theo 7 vùng địa lý, còn lại giao cho cấp tỉnh quy định chi tiết cụ thể với các tiêu chí/nội dung gắn với sinh kế, đời sống người dân (có sự phân biệt theo các xã thuộc khu vực I, II, III hoặc theo các xã đồng bằng, miền núi), bởi thực tế mỗi địa bàn có điều kiện đặc thù, trình độ phát triển KT-XH khác nhau trong thực hiện NTM.

- Nghiên cứu sửa các tiêu chí hướng đến kết quả, hiệu quả, chất lượng, lấy người dân làm trung tâm - cần đổi với khả năng đo lường tiêu chí, ví dụ như:

- Tiêu chí điện: cần đánh giá về chất lượng sử dụng điện thay vì tỷ lệ sử dụng.
- Tiêu chí về thông tin, truyền thông: giám nội dung không còn phù hợp với điều kiện thông tin liên lạc, tình trạng di chuyển lao động hiện nay, có thể gây đầu tư lãng phí (diem bưu chính, đài truyền thanh).
- Tiêu chí lao động có việc làm: cần gắn với nội dung việc làm có thu nhập thỏa đáng/đủ sống của người lao động.
- Tiêu chí về tổ chức sản xuất: không qui định cứng về HTX, thay vào đó qui định về tỷ lệ, quy mô, sản lượng trong sản xuất, ngành nghề, dịch vụ có hợp tác nông dân và liên kết thị trường (dưới nhiều hình thức).
- Tiêu chí giáo dục, y tế: cần đánh giá chất lượng học tập và tiếp cận dịch vụ y tế của người dân.

Chương 6: KHUYẾN NGHỊ

- Một số nội dung quan trọng với đời sống người dân, như thích ứng biến đổi khí hậu, thực hiện an sinh xã hội, văn hóa gắn với phát triển cần được qui định rõ hơn trong các tiêu chí NTM.
- Đầu mối quản lý của Bộ, ngành cần thu gọn đối với từng tiêu chí, tích hợp chính sách, giảm số lượng văn bản hướng dẫn, tạo thuận lợi cho địa phương trong phân bổ nguồn lực, đặc biệt tạo thuận lợi cho cấp xã trong nắm bắt qui định và triển khai chương trình. Một số nội dung là nhiệm vụ thường xuyên của các cơ quan quản lý không nhất thiết đưa vào một CTMTQG như CTNTM.
- Sửa đổi hệ thống biểu mẫu, phương pháp, ngân sách, NCNL giám sát - đánh giá hướng đến kết quả đầu ra, hướng dẫn về cách tổng hợp các nguồn vốn trong CTNTM, nhất là vốn tín dụng. Một số tiêu chí NTM nên giao cho cơ quan chuyên môn cấp huyện đánh giá để đảm bảo sự khách quan, chính xác (như tiêu chí thu nhập).
- Sửa đổi thiết kế phiếu, cách tổ chức thực hiện việc đánh giá sự hài lòng của người dân đối với CTNTM, theo hướng đảm bảo đánh giá thực chất ý kiến của người dân về những vấn đề cụ thể, thiết thực với đời sống, sinh kế của họ ở từng thôn bản. Cần coi đây là kênh thông tin/công cụ rất quan trọng trong giám sát - đánh giá thực hiện CTNTM, nhằm tìm ra những điểm hạn chế để khắc phục, không thuần túy chỉ là một thủ tục để đủ điều kiện xét công nhận đạt chuẩn NTM.
- Thí điểm, tổng kết để nhân rộng trong giai đoạn tới, áp dụng phần mềm, công nghệ số trong giám sát, đánh giá CTNTM lấy người dân làm trung tâm.

3. Điều chỉnh qui định về phân bổ vốn và hướng dẫn quản lý, sử dụng vốn trong CTNTM:

- TW không qui định hệ số cụ thể cho từng nhóm xã trong phân bổ vốn CTNTM, mà chỉ nêu các nguyên tắc, định hướng, còn lại giao cho HĐND tỉnh qui định cụ thể:
 - Ưu tiên phân bổ vốn cho các xã ĐBKK (đạt ít hơn 10 tiêu chí); đồng thời có ưu tiên cho các xã đăng ký về đích NTM. Hệ số phân bổ vốn cho các xã có tính đến các nguồn khác nhau cùng hướng đến mục tiêu xây dựng NTM và giảm nghèo.

Chẳng hạn, mức độ ưu tiên cho các xã ĐBKK có thể gấp 2-3 lần các xã khác (không nên gấp 4-5 lần như qui định hiện nay, vì các xã ĐBKK đã có nguồn vốn từ các CT-DA khác như Chương trình giảm nghèo bền vững).

- Hệ số phân bổ vốn NTM cho cấp xã cần tính đến các đặc điểm của xã, như mật độ dân số (diện tích, qui mô dân số), số thôn trong xã, số tiêu chí đã đạt được.
- Tăng đáng kể nguồn vốn sự nghiệp trong CTNTM cho phát triển sản xuất, ngành nghề dịch vụ theo cách tiếp cận dự án tập trung, đồng bộ; trong đó ưu tiên phân bổ vốn sự nghiệp cho các xã ĐBKK để phát triển sinh kế, tăng thu nhập và giảm nghèo.
- Sửa đổi hướng dẫn về quản lý nguồn vốn sự nghiệp trong CTNTM (Thông tư 43/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính):
 - Bổ sung qui định về chi phí quản lý dự án đối với nội dung hỗ trợ dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm.
 - Bổ sung phạm vi sử dụng vốn sự nghiệp NTM do TW cấp cho các nội dung thực hiện NTM (do hiện tại nguồn vốn lồng ghép và do ngân sách địa phương cân đối rất hạn chế), như: hỗ trợ hệ thống xử lý nước hợp vệ sinh, nước sạch; hỗ trợ cho cộng đồng (bao gồm cả hộ nghèo, cận nghèo, không nghèo) đối với các nội dung thu gom, xử lý chất thải rắn; thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, phân tán; cải tạo cảnh quan môi trường...
 - Hướng dẫn cụ thể về phân bổ và sử dụng vốn sự nghiệp cho một số nội dung mới của CTNTM, như hỗ trợ xây dựng NTM kiểu mẫu, hỗ trợ chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn.

ĐỐI VỚI CẤP TỈNH:

4. Đổi mới công tác huy động và sử dụng nguồn lực trong CTNTM, đảm bảo công khai minh bạch và trách nhiệm giải trình:

- Điều chỉnh, cân đối lại hệ số phân bổ, mức độ ưu tiên phân bổ nguồn vốn NTM cho các xã ĐBKK và xã đăng ký về đích NTM (như khuyến nghị với cấp Trung ương ở trên).

- Qui định rõ mức/tỷ lệ vốn đối ứng tối thiểu từ ngân sách địa phương của các cấp tỉnh/huyện/xã trong các công trình, dự án NTM (nhất là đối với các tỉnh hiện chưa bố trí vốn ngân sách địa phương cho thực hiện NTM).
 - Nâng cao vai trò của HĐND các cấp trong xây dựng kế hoạch và bố trí ngân sách địa phương, lồng ghép với ngân sách TW và huy động các nguồn lực khác trong thực hiện CTNTM, gắn với quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm.
 - Thực hiện phân cấp, trao quyền thực chất cho cấp xã, thôn và người dân trong CTNTM
 - Quy định trách nhiệm hỗ trợ cấp xã và cộng đồng cho các cơ quan liên quan; có ngân sách và biện pháp NCNL cho cộng đồng để đảm bảo cộng đồng đủ năng lực quản lý và tổ chức thực hiện các công trình, hoạt động được xã phê duyệt.
 - Ban hành thủ tục hồ sơ thực sự đơn giản, theo hướng quản lý kết quả đầu ra khi thực hiện theo cơ chế đầu tư đặc thù trong các CTMTQG đối với các cộng đồng qui mô nhỏ ở cấp thôn bản (nhất là ở vùng miền núi DTTS).
 - Đổi mới phương pháp NCNL cho cán bộ cơ sở/đại diện cộng đồng trong thực hiện CTNTM, theo đúng phương pháp “học tập đi đối với thực hành”, “đào tạo, tập huấn gắn với từng công trình, dự án, tổ, nhóm cụ thể”.
 - Ban hành chỉ tiêu áp dụng tối thiểu (tỷ lệ vốn, hoặc tỷ lệ công trình tối thiểu) áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù tại từng địa phương.
 - Sửa đổi hướng dẫn và phổ biến cho các xã về tinh thần thực hiện tiêu chí “Thông tin-truyền thông” trước hết cần đảm bảo sự công khai, minh bạch về ngân sách, kế hoạch, tiến độ, đảm bảo thông tin hai chiều trong bản thân chương trình NTM để mọi người dân có cơ hội được biết, được bàn, được kiểm tra, giám sát.
- 5. Đảm bảo sự tham gia thực chất, đóng góp tự nguyện của người dân trong CTNTM:**
- Ưu tiên các công trình, dự án là nhu cầu bức thiết của người dân, dựa trên cùng cố qui

trình LKH ở cấp thôn, xã để đảm bảo sự tham gia thực chất của người dân. Các cộng đồng thôn bản được NCNL và được trao quyền ra quyết định, tự quản trong toàn bộ chu trình của các tiêu dự án phát triển (từ phân tích nguồn lực, xác định cơ hội phát triển, xếp thứ tự ưu tiên, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát)

- Sự đóng góp của người dân trong thực hiện NTM là không thể thiếu, nhưng không vì áp lực hoàn thành tiêu chí/đăng ký về đích (liên quan đến đổi mới bộ tiêu chí, xây dựng lộ trình thực hiện NTM) mà trở thành gánh nặng cho người dân nhất là những người nghèo/có hoàn cảnh khó khăn.
 - Mỗi địa phương xây dựng một lộ trình thực hiện NTM phù hợp với điều kiện của tỉnh, ưu tiên thực hiện các tiêu chí thiết yếu với đời sống người dân như thu nhập, giảm nghèo, tổ chức sản xuất, cảnh quan môi trường, văn hóa, CSHT thiết yếu ở thôn bản.
 - Thực hiện chi tiêu hoàn thành NTM với các xã theo giai đoạn, cân đối nguồn lực thực hiện phù hợp, có tính đến yếu tố đặc thù theo địa bàn.
- Tiếp tục phát huy mạnh mẽ các phong trào chung tay xây dựng NTM của các hội đoàn thể và MTTQ. UBND tỉnh nên qui định việc phân bổ một chút “vốn môi” từ nguồn vốn sự nghiệp NTM hàng năm cho các hội, đoàn thể để thúc đẩy phong trào của các tổ chức này.
- Qui định cụ thể về áp dụng cơ chế “tạo việc làm công” cho người nghèo, có hoàn cảnh khó khăn thông qua việc tham gia lao động được trả công trong các công trình, dự án NTM để gắn thực hiện NTM với giảm nghèo ở các xã ĐBKK vùng dân tộc và miền núi. Theo đó, UBND tỉnh nghiên cứu, điều chỉnh tăng tỷ lệ hỗ trợ đối với các công trình/dự án theo địa bàn tại các xã ĐBKK vùng miền núi, tương ứng giảm tỷ lệ huy động đóng góp của người dân (ví dụ, tỷ lệ đóng góp bằng ngày công/tiền của người dân ở các xã ĐBKK vùng dân tộc và miền núi không quá 10% tổng mức đầu tư của công trình).

ĐỐI VỚI LIÊN MINH MINH BẠCH NGÂN SÁCH (BTAP):

6. Tiếp tục phối hợp với VP điều phối NTM Trung ương, các bên và địa phương liên quan tiến hành nghiên cứu, đánh giá, tham vấn phục vụ thiết kế và triển khai CT NTM trong giai đoạn tới (sau 2020). Một số chủ đề tiềm năng cần nghiên cứu, đánh giá, tham vấn sâu rộng hơn như sau:

- Tham vấn các cơ quan ở TW, cán bộ địa phương và người dân để nghiên cứu đề xuất, điều chỉnh cụ thể đối với các tiêu chí NTM theo hướng lấy người dân làm trung tâm, gắn với chất lượng, kết quả, hiệu quả, phân nhóm ưu tiên thực hiện theo từng giai đoạn; cân đối với khả năng đo lường/thay đổi cách đo lường đối với các tiêu chí (mà trong phạm vi đánh giá này chưa đề xuất cụ thể).

- Hỗ trợ nghiên cứu, thí điểm, tiến tới nhân rộng việc áp dụng công nghệ số, phần mềm đi động để đánh giá Chỉ số hài lòng của người dân với CTNTM.
- Thực hiện nghiên cứu chuyên đề về một số yếu tố quan trọng trong quá trình thực hiện CT NTM như: nâng cao năng lực cho cán bộ địa phương và cộng đồng; phân cấp và trao quyền (cộng đồng tự quản trong xây dựng NTM, gắn với cách tiếp cận phát triển cộng đồng); yếu tố văn hóa làng xã, thay đổi lối sống, gắn kết cộng đồng, mối liên kết nông thôn-thành thị... trong xây dựng NTM.
- Đánh giá sâu về cơ chế, biện pháp đảm bảo thực chất sự công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình trong huy động và sử dụng nguồn lực; được biết, được bàn, được kiểm tra, giám sát của người dân trong CTNTM.

PHỤ LỤC 1: KHUNG CÂU HỎI ĐÁNH GIÁ CHÍNH

Câu hỏi chính (phát triển câu hỏi cụ thể phù hợp với nội dung, tiến trình thảo luận với từng đối tượng liên quan)	Phương pháp/Công cụ thu thập thông tin (qua thảo luận nhóm, phỏng vấn sâu, tham khảo tài liệu...)
<p>1. Sự phù hợp của các tiêu chí NTM từ góc nhìn của người dân và cán bộ địa phương? Những tiêu chí nào không phù hợp? Những tiêu chí nào cần bổ sung? Nguyên nhân?</p> <p>Hướng dẫn đặt câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đây là đánh giá về bản thân các tiêu chí được qui định có phù hợp không? Khác với đánh giá về mức độ hoàn thành so với tiêu chí NTM được qui định → “đặt lại đầu bài”. - Đánh giá sự phù hợp dựa vào đâu? Phù hợp với cái gì? → Có nhiều căn cứ để đánh giá “sự phù hợp”: <ol style="list-style-type: none"> 1. Phù hợp nội tại văn bản: không có mâu thuẫn, trùng chéo trong bản thân các tiêu chí. Vd tiêu chí “thôn văn hóa” → theo qui định mới của Chính phủ¹⁵ trong đó đã bao hàm hàng chục tiêu chí, cả về hộ nghèo, nhà ở, giáo dục, y tế, môi trường cảnh quan... → “Siêu tiêu chí”? 2. Phù hợp với giám sát - đánh giá: tiêu chí định tính, khó đo lường, cách hiểu khác nhau, có dễ nắm bắt với cán bộ địa phương? Vd tiêu chí về môi trường, cảnh quan, bình đẳng giới. <ul style="list-style-type: none"> + Lưu ý có những tiêu chí trong NTM có sự khác biệt với tiêu chí thường dùng, dễ gây nhầm lẫn. Vd tiêu chí “hộ nghèo” trong NTM theo hướng dẫn của Bộ LD-TBXH ko bao gồm “hộ nghèo thuộc đối tượng bảo trợ xã hội”¹⁶. 3. Phù hợp với đặc điểm, tập quán địa phương: yếu tố đặc thù, khác biệt vùng miền. Đây có thể là yếu tố hay được nhắc đến. Chính phủ đã điều chỉnh trong bộ tiêu chí mới giai đoạn 2016-2020 (chia chỉ tiêu theo 7 vùng; giao một số chỉ tiêu cho cấp tỉnh qui định cụ thể). Lưu ý các tiêu chí mở - chủ yếu về CSHT - giao cho cấp tỉnh qui định cụ thể bao gồm: giao thông, tuổi tiêu, nhà văn hóa, chợ, thông tin truyền thông, mai táng. <ul style="list-style-type: none"> + Hỏi về những tiêu chí nào không phù hợp đặc điểm địa phương, tập quán địa phương, tại sao? 4. Phù hợp với khả năng thực hiện của địa phương: đây có thể là yếu tố hay được nhắc đến (thiếu vốn đầu tư, khó huy động nguồn lực, khó bố trí quỹ đất cho đủ diện tích...) → Áp lực với địa phương. <ul style="list-style-type: none"> + Hỏi về tình hình thực hiện các tiêu chí của địa phương, tiêu chí nào khó đạt, tại sao? Lưu ý so sánh giữa sự hợp lý của bản thân tiêu chí vs. mức độ/khả năng đạt được (Vd: tại sao phải đường bê tông 3m? vs. đường bê tông 3m có làm được ko?) 	<p>Nghiên cứu văn bản</p> <p>Bài tập bia màu hoặc Lập bảng so sánh: Liệt kê 19 tiêu chí (chia 5 nhóm) → hỏi: tiêu chí nào đã đạt, chưa đạt, khó khăn là gì, tiêu chí có phù hợp với địa phương ko, tại sao?</p> <p>Sau đó hỏi sâu về các tiêu chí “nổi cộm”.</p>

¹⁵ Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ

¹⁶ Công văn số 4999/LĐTBXH-KHTC ngày 12/12/2016 của Bộ LD-TBXH

<p>+ Câu chuyện “nợ tiêu chí”, linh hoạt trong đánh giá tiêu chí khi xét xã về đích NTM?</p> <p>5. Phù hợp với định hướng lấy người dân làm trung tâm, tập trung vào đánh giá kết quả/hiệu quả (outcomes) thay cho đầu ra (outputs). Ví dụ, xã có chợ, có HTX không quan trọng, mà là người dân tiếp cận thị trường như thế nào? Trường đạt chuẩn ko quan trọng, mà là học sinh tiếp cận giáo dục như thế nào?</p> <p>+ Hỏi về tình hình sử dụng, phát huy công năng của công trình, tổ chức “đạt chuẩn” như thế nào? (vd: chợ có sử dụng ko? HTX hoạt động hiệu quả ko?)</p> <p>+ Hỏi người dân → thực sự các bác nghĩ “NTM” là gì, có ý nghĩa gì với gia đình/cộng đồng mình? Cái thay đổi (tiêu chí) các bác mong chờ nhất/quan tâm nhất/tâm đắc nhất là gì? → Tính “hình thức” (theo văn bản) vs tính “thực tế” (theo cảm nhận của người dân) của tiêu chí.</p> <p>+ Lưu ý tâm lý có thể nảy sinh của địa phương “tiêu chí nào để làm trước, tiêu chí nào khó làm sau” → địa phương ưu tiên tiêu chí “cứng” về xây dựng CSHT hơn so với tiêu chí “mềm” về thu nhập, việc làm (khó thực hiện, có nhiều yếu tố khách quan chi phối, khó đánh giá). Ngược lại, người dân có thể lại quan tâm hơn đến các tiêu chí “mềm” thiết thực với họ.</p> <p>+ Một tiêu chí rất quan trọng là “sự hài lòng” của người dân về các tiêu chí NTM? Tuy nhiên lưu ý việc đo lường tiêu chí sự hài lòng này (bằng phiếu hỏi của MTTQ) có sai lệch, vo tròn... hay không?</p> <p>6. Phù hợp với bối cảnh thay đổi, bối cảnh rủi ro: Vd tiêu chí gì về thích ứng biến đổi khí hậu, giảm nhẹ rủi ro thiên tai? Độ bền vững, ổn định của việc đạt được các tiêu chí do bối cảnh rủi ro? Khả năng linh hoạt của tiêu chí trước bối cảnh thay đổi? Vd trước bối cảnh đó thị hóa, thị trường biến động, di chuyển lao động... → các tiêu chí có còn phù hợp, cần bổ sung, sửa đổi gì?</p> <p>+ Quan tâm hơn đến các tiêu chí “văn hóa”, ko chỉ là bảo tồn, văn hóa lễ hội, văn hóa vật thể... → mà là “văn hóa gắn với phát triển”, “văn hóa cộng đồng - gắn kết cộng đồng” (nội hàm là gì?)</p> <p>+ Quan tâm hơn đến các tiêu chí “môi trường”? “an sinh xã hội”?</p>	<p>Lưu ý: các địa phương có thể ko thấy sự “ko hợp lý” xét theo khía cạnh khả năng thực hiện, phù hợp vùng miền đối với những tiêu chí NTM mà họ đã đạt → nhưng tiêu chí đó có thể vẫn “không hợp lý” nếu xét theo các khía cạnh khác (ví dụ, khía cạnh tập trung vào outcomes hơn là outputs, phù hợp với bối cảnh thay đổi...) → Cần hỏi rõ.</p>
<p>2. Sự tham gia, đóng góp của người dân trong xây dựng NTM tại địa phương như thế nào? Những thuận lợi và khó khăn trong quá trình thực hiện?</p> <p>Hướng dẫn đặt câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản chất của vấn đề “tham gia, đóng góp” là về “tinh chủ thể”, “tinh tự quản”, về “phát triển cộng đồng” → trong khi các ý kiến phản hồi có thể xoay quanh câu chuyện “đóng góp cao”, “quá sức dân”, “không phân biệt nhóm xã hội/điều kiện kinh tế”... → câu chuyện “đán nghèo, thôn/xã khó khăn khó huy động đóng góp” có nguyên nhân đằng sau là gì? Đóng góp thế nào là cao, thế nào là vừa...? - Cần có lý giải thấu đáo hơn về câu chuyện “tham gia, đóng góp” so với các thông tin thường nghe, thường thấy... - Liên quan đến truyền thông → nhận thức của người dân, của cộng đồng về chương trình NTM → về việc tham gia, đóng góp? - Người dân có được thực sự tham gia lập kế hoạch, để xuất, lựa chọn ưu tiên các hạng mục NTM là nhu cầu bức thiết của mình hay không? 	<p>Bài tập Sơ đồ Venn, phân tích các bên liên quan, cây mục tiêu, sơ đồ nhân quả (sử dụng linh hoạt)</p> <p>Case stories từng công trình, dự án cụ thể.</p> <p>Hỏi về:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Qui trình LKH thực hiện NTM - Tiếng nói của người dân - Đồng thuận của người dân - Sự làm chủ, tự quản, trao quyền của cộng đồng - Giám sát cộng đồng...

<p>Tiếng nói của họ có được coi trọng? → Họ có coi đó là công trình, công việc “của mình” hay ko? Hay chỉ coi đó là “việc của xã”, “của thôn” mà mình phải đóng góp (do thôn đã họp, dân “biểu quyết” theo đa số)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liên quan đến áp lực về đích, hoàn thành các chỉ tiêu NTM → sự đóng góp có miễn cưỡng không, có phải nhu cầu bức thiết của người dân không? Vd: nguyên tắc là ko áp đặt, hoàn toàn tự nguyện, do “dân biểu quyết, thông qua” → nhưng thực tế thì có thể do định hướng, chỉ đạo năm nay phải hoàn thành tiêu chí A, B, mà tiêu chí đó cần đóng góp? - Trong thực tế, với những việc đúng nhu cầu bức thiết, được tự chủ tự quản, được trao quyền → người dân có sẵn sàng đóng góp? → Câu chuyện điển hình (case stories), so sánh giữa công trình/việc dân đóng góp cao/tao sự đồng thuận vs. công trình/việc dân đóng góp thấp/không có sự đồng thuận - Lưu ý các yếu tố ảnh hưởng đến tiếng nói, phản hồi của người dân về sự đóng góp. Ví dụ: xã/thôn ĐBKK có thể ko có “vấn đề” về đóng góp vì được NN hỗ trợ 100% trong xây dựng công trình. Tính cộng đồng trong vấn đề đóng góp: người hưởng lợi trực tiếp vs. gián tiếp. Người phải góp đất vs. người ko phải góp đất → Yếu tố xung đột lợi ích. Phân tầng xã hội? → các nhóm dân cư có nhu cầu khác nhau, nhận thức về lợi ích/chỉ phí khác nhau. Người có điều kiện kinh tế/lao động vs. người nghèo, người già, khuyết tật. Nhóm đa số vs. nhóm thiểu số... - Lưu ý sự khác biệt giữa tiếng nói, phản hồi của các đối tượng khác nhau: cán bộ các cấp (bao gồm cả “cán bộ” thôn bản) vs. người dân (có điều kiện, hoàn cảnh khác nhau). 	<p>Hỏi về mức đóng góp, cách đóng góp... cách thống nhất về mức/cách đó, có phân biệt/miễn giảm theo nhóm xã hội hay không (nghèo, già cả, trẻ em...)</p> <p>Các nguyên tắc của đóng góp tự nguyện có được tuân thủ hay ko?</p>
<p>3. Việc huy động và sử dụng các nguồn lực (nguồn ngân sách nhà nước, nguồn tín dụng, nguồn xã hội hóa, đóng góp của cộng đồng và người dân) công khai, minh bạch và hiệu quả trong chương trình NTM như thế nào?</p> <p>Hướng dẫn đặt câu hỏi: chú trọng các khía cạnh công khai minh bạch, hiệu quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Huy động nguồn lực: <ul style="list-style-type: none"> + Phân bổ nguồn NSNN: lưu ý tiêu chí phân bổ vốn trong CT NTM: ưu tiên xã ĐBKK (dưới 5 tiêu chí: hệ số 5, xã khác: hệ số 4). Xã đạt từ 15 tiêu chí trở lên: hệ số 1,3. Xã khác: hệ số 1. → Thực tế thực hiện phân bổ ngân sách NTM tại địa phương ntn? Mẫu thuẫn gì với mục tiêu số/tỷ lệ xã về đích NTM vs. giảm khoảng cách/chênh lệch giữa các địa phương? + Vốn đầu tư vs. vốn sự nghiệp. Vd: vốn sự nghiệp cho HTPTSX, liên kết chuỗi, OCOP (mỗi xã một sản phẩm), phát triển HTX... được phân bổ như thế nào, có phân về xã ko, bao nhiêu? + Vốn tự có của địa phương: đầu giá quyền sử dụng đất? + Vốn tín dụng: huy động như thế nào? + Vốn xã hội hóa: vai trò của doanh nghiệp? + Vốn góp của dân (câu 2 ở trên): có ghi nhận đầy đủ tất cả các dạng đóng góp của dân trong báo cáo/tính toán cơ cấu vốn ko? 	<p>Tham vấn ý kiến nhóm cán bộ tỉnh, huyện, xã, nhóm nông cốt thôn và người dân</p> <p>Tham khảo báo cáo địa phương về NTM.</p> <p>Case stories¹⁷ về sử dụng nguồn lực trong công trình, dự án, hoạt động cụ thể</p> <p>Lưu ý định danh của công trình/dự án thuộc nguồn nào (người dân có thể không nhớ)?</p>

¹⁷ Case stories (câu chuyện điển hình) ở đây không đòi hỏi thông tin toàn diện, tốn nhiều thời gian như Case studies (nghiên cứu điển hình) có thể chỉ là phản hồi của người dân và các bên liên quan.

<p>- Sử dụng nguồn lực: + Liên quan đến phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm” → thực hiện cơ chế đặc thù theo ND 161, Đề án hỗ trợ xi măng → câu chuyện khó khăn, hạn chế, hiệu quả của Phân cấp và Trao quyền? + Liên quan đến công khai, minh bạch ngân sách, vai trò tham gia của người dân, cộng đồng trong giám sát ngân sách, đối thoại ngân sách/chính sách... (kinh nghiệm của dự án BTAP, vai trò của các nhóm cộng đồng, nhân tố tích cực trong cộng đồng...) + Câu chuyện “nợ động xây dựng cơ bản” trong NTM tại địa phương? + ...</p>	<p>Lưu ý chung: có sự cân bằng trong đánh giá → tìm hiểu câu chuyện tích cực/cách làm hay, so sánh với câu chuyện hạn chế/cách làm chưa hay...</p>
<p>4. Những đề xuất, kiến nghị về bộ tiêu chí NTM, về các cơ chế, chính sách; giải pháp huy động, bố trí và sử dụng nguồn lực; giải pháp chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện chương trình từ nay đến năm 2020; về thiết kế chương trình, các tiêu chí NTM giai đoạn sau 2020? - Lưu ý phân biệt giữa 2 luồng thông tin: đề xuất chủ quan của cán bộ cơ sở/người dân vs. đề xuất độc lập của nhóm đánh giá.</p>	<p>Tham vấn ý kiến nhóm cán bộ, nhóm nông cốt thôn và người dân Phân tích độc lập của nhóm đánh giá</p>

PHỤ LỤC 2: CÁC CHÍNH SÁCH CHÍNH CỦA TW VÀ 2 TỈNH HÀ BÌNH VÀ QUẢNG TRỊ VỀ THỰC HIỆN CT NTM GIAI ĐOẠN 2016-2020

Nội dung chính sách	Trung ương	Hà Bình	Quảng Trị
<p>Quản lý, điều hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành cơ chế quản lý, điều hành thực hiện các CTMTQG - Thông tư 01/2017/TT-BKHĐT ngày 14/2/2017 của Bộ KH-ĐT hướng dẫn quy trình lập kế hoạch đầu tư cấp xã thực hiện các CTMTQG - Quyết định 1730/QĐ-TTg ngày 5/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng NTM” giai đoạn 2016-2020. 	<p>- Quyết định 366/QĐ-UBND ngày 19/2/106 của UBND tỉnh về việc ban hành kế hoạch triển khai thực hiện CTMTQG XD NTM tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2016-2020</p>	<p>- Quyết định 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt CTMTQG XD NTM giai đoạn 2016-2020 - Quyết định 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định 1600/2016/QĐ-TTg</p>	<p>- Nghị quyết 02/NQ-HĐND ngày 25/4/2014 của HĐND tỉnh về huy động các nguồn lực và quy định mức hỗ trợ xây dựng NTM tỉnh Quảng Trị đến 2020 - Nghị quyết 30/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh về xây dựng NTM đến 2020 - Quyết định 914/QĐ-UBND ngày 7/5/2018 của UBND tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh về xây dựng NTM đến 2020</p>

Nội dung chính sách	Trung ương	Hòa Bình	Quảng Trị
Định mức phân bổ vốn	- Quyết định 12/2017/QĐ-TTg ngày 22/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách TW và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện CTMTQG XD NTM giai đoạn 2016 - 2020	- Nghị quyết 80/2017/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 của HĐND tỉnh về mục tiêu, nhiệm vụ, phương án phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung của Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Hòa Bình	- Nghị quyết 30/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh về xây dựng NTM đến 2020
Định mức, cơ chế hỗ trợ	- Thông tư 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sử nghiệp thực hiện CTMTQG XD NTM giai đoạn 2016 - 2020 - Quyết định 4781/QĐ-BNN-VPPĐ ngày 21/11/2017 của Bộ NN-PTNT ban hành số tay hướng dẫn phát triển sản xuất trong xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2020	- Nghị quyết số 51/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện một số nội dung xây dựng nông thôn mới tỉnh Hòa Bình, giai đoạn 2016 - 2020	- Nghị quyết 30/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh về xây dựng NTM đến 2020 - Quyết định 32/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của UBND tỉnh ban hành quy định danh mục, định mức HTPTSX và ngành nghề, dịch vụ nông thôn thuộc nguồn vốn CTMTQG xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị
Bộ tiêu chí xã NTM giai đoạn 2016 - 2020	- Quyết định 558/QĐ-TTg ngày 5/4/2016 quy định tiêu chí huyện NTM và quy định thành phố, thị xã trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM - Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành bộ tiêu chí Quốc gia về xã NTM giai đoạn 2016 - 2020 - Quyết định 69/QĐ-BNN-VPPĐ ngày 9/1/2017 của Bộ NN-PTNT ban hành số tay hướng dẫn thực hiện bộ tiêu chí Quốc gia về xã NTM giai đoạn 2016 - 2020	- Quyết định 816/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành bộ tiêu chí xã NTM tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2016 - 2020 - Hướng dẫn 397/HĐ-SNN ngày 26/7/2017 của Sở NN-PTNT thực hiện bộ tiêu chí xã NTM tỉnh Hòa Bình, giai đoạn 2016 - 2020	- Nghị quyết 07/2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2015 của HĐND tỉnh về chương trình kiến cố hòa giao thông nông thôn giai đoạn 2015 - 2020 - Quyết định 325/QĐ-UBND ngày 23/2/2017 của UBND tỉnh ban hành bộ tiêu chí về xã NTM tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016 - 2020

Nội dung chính sách	Trung ương	Hòa Bình	Quảng Trị
Bộ tiêu chí xã NTM kiểu mẫu/năng cao	- Thông tư 05/2017/TT-BNNPTNT ngày 1/3/2017 của Bộ NN-PTNT hướng dẫn thực hiện chương trình MTQG XD NTM giai đoạn 2016-2020 - Quyết định 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn NTM; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2020	- Số tay hướng dẫn Bộ tiêu chí xã NTM tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2016-2020 - Quyết định 2283/QĐ-UBND ngày 15/11/2017 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh chỉ tiêu số 8.3 và chỉ tiêu số 8.4, tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông, trong Bộ tiêu chí xã NTM tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2016 - 2020.	- Hướng dẫn 2790/HD-UBND ngày 28/6/2017 của UBND tỉnh hướng dẫn thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu xã NTM giai đoạn 2016 - 2020 - Số tay tổng hợp các văn bản hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí về xã NTM giai đoạn 2016 - 2020
Bộ tiêu chí xã NTM kiểu mẫu/năng cao	- Quyết định 691/QĐ-TTg ngày 5/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí xã NTM kiểu mẫu giai đoạn 2018 - 2020.	- Quyết định 1134/QĐ-UBND ngày 9/5/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí xã chuẩn NTM nâng cao tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2018 - 2020	- Quyết định 507/QĐ-UBND ngày 13/2/2018 của UBND tỉnh ban hành bộ tiêu chí xã NTM kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2018-2020 - Quyết định 854/QĐ-UBND ngày 23/4/2018 của UBND phe duyệt danh sách các địa phương chỉ đạo điểm xây dựng xã NTM kiểu mẫu giai đoạn 2018 - 2020
Bộ tiêu chí khu dân cư NTM kiểu mẫu		- Quyết định 2188/QĐ-UBND ngày 20/9/2018 về việc ban hành Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu và vườn kiểu mẫu tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2018 - 2020 - Kế hoạch 129/KH-UBND ngày 3/10/2018 của UBND tỉnh triển khai thực hiện xây dựng khu dân cư nông	

Nội dung chính sách	Trung ương	Hòa Bình	Quảng Trị
Tập huấn, bồi dưỡng cán bộ xây dựng NTM	<ul style="list-style-type: none"> Quyết định 4072/QĐ-BNN-VPPĐ ngày 5/10/2016 của Bộ NN-PTNT phê duyệt chương trình khu vực tập huấn, bồi dưỡng cán bộ xây dựng NTM các cấp thuộc CTMTQG xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2020. 	<ul style="list-style-type: none"> Hướng dẫn 249/HĐ-BCĐ ngày 23/5/2017 của Ban chỉ đạo CTMTQG thực hiện công tác tập huấn, bồi dưỡng cán bộ xây dựng NTM thuộc CTMTQG xây dựng NTM năm 2017. 	<ul style="list-style-type: none"> Quyết định 231/QĐ-UBND ngày 10/2/2017 của UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng cán bộ xây dựng NTM các cấp thuộc CTMTQG XD NTM tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2017-2020
Chính sách đặc thù	<ul style="list-style-type: none"> Quyết định 490/QĐ-TTg ngày 7/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mới và một sản phẩm giai đoạn 2018 - 2020 Quyết định 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hỗ trợ thôn, bản, ấp của các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo xây dựng NTM và GNBV giai đoạn 2018 - 2020 Quyết định 45/QĐ-TTg ngày 12/1/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình khoa học công nghệ phục vụ xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2020 Nghị định 161/2016/NĐ-CP ngày 2/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc CTMTQG giai đoạn 2016-2020 Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2016 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các CTMTQG giai đoạn 2016 - 2020 		

PHỤ LỤC 3: TỶ LỆ XÃ ĐẠT CÁC TIÊU CHÍ NTM TẠI CÁC TỈNH, HUYỆN KHẢO SÁT (TÍNH ĐẾN THÁNG 6/2018)

Tên tiêu chí	Tỉnh Hòa Bình			Tỉnh Quảng Trị		
	Chung toàn tỉnh (191 xã)	Huyện Lương Sơn (19 xã)	Huyện Mai Châu (22 xã)	Chung toàn tỉnh (117 xã)	Huyện Vĩnh Linh (19 xã)	Huyện Đakrông (13 xã)
Quy hoạch	100%	100%	100%	100%	100%	100%
Giao thông	33%	84,2%	22,27%	48,7%	73,7%	23,1%
Thủy lợi	83,77%	84,2%	100%	86,3%	89,5%	84,6%
Điện	100%	100%	100%	99,1%	100%	100%
Trường học	34,5%	57,89%	31,82%	51,3%	73,7%	7,7%
Cơ sở vật chất văn hóa	36%	68,42%	13,63%	54,7%	84,2%	7,7%
CSHT thương mại nông thôn	90%	100%	95,45%	75,2%	78,9%	0%
Thông tin và Truyền thông	44%	57,89%	13,63%	76,9%	84,2%	46,2%
Nhà ở dân cư	64,4%	100%	40,9%	66,7%	84,2%	0%
Thu nhập	50%	100%	18,8%	70,9%	89,5%	0%
Hộ nghèo	40%	94,73%	36,36%	56,4%	78,9%	0%
Lao động có việc làm	100%	100%	100%	94%	94,7%	100%
Tổ chức sản xuất	50%	68,42%	22,27%	61,5%	68,4%	0%
Giáo dục và Đào tạo	99,47%	100%	86,36%	76,9%	94,7%	7,7%
Y tế	57%	63,15%	50%	91,45%	100%	61,5%
Văn hóa	61,3%	78,9%	31,82%	96,6%	89,5%	100%
Môi trường và ATTP	41,4%	94,73%	31,82%	51,3%	78,9%	0%
Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	87%	100%	100%	76,1%	89,5%	7,7%
Quốc phòng và An ninh	93,7%	84,2%	100%	90,6%	94,7%	38,5%

Nguồn: Báo cáo sơ kết 3 năm (2016-2018) thực hiện CTMTQG xây dựng NTM tại các tỉnh/huyện khảo sát

LIÊN HỆ

Trung tâm Phát triển và Hội nhập (CDI)

Đơn vị Điều phối Liên minh Minh bạch Ngân sách BTAP

Địa chỉ: Tầng 16, số 169 Nguyễn Ngọc Vũ, Cầu Giấy, Hà Nội

Web: cdvietnam.org | Email: info@cdvietnam.org | ĐT: +84 24 3538 0100